

## PHỤ LỤC

### Kết quả cụ thể trên các lĩnh vực công tác của ngành Nông nghiệp và Môi trường trong 6 tháng đầu năm 2026

#### I. Công tác Pháp chế

Theo Chương trình công tác năm 2026 và Kế hoạch xây dựng VBQPPL trong lĩnh vực NN&MT năm 2026<sup>1</sup>, tổng số văn bản Bộ phải xây dựng, trình cấp có thẩm quyền ban hành và ban hành theo thẩm quyền là **181** văn bản. Trong 6 tháng đầu năm 2026, Bộ phải trình và ban hành **71** văn bản<sup>2</sup>.

##### 1. Đối với các văn bản thuộc thẩm quyền của Quốc hội

Theo chỉ đạo của cấp có thẩm quyền, trong năm 2026 Bộ phải xây dựng trình Chính phủ trình Quốc hội **04** dự án luật. Trong số đó có **02** dự án Luật đã có tên trong Chương trình lập pháp năm 2026<sup>3</sup>, còn **02** dự án luật<sup>4</sup> đang được Ủy ban Thường vụ Quốc hội xem xét bổ sung vào Chương trình lập pháp năm 2026.

- Đối với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường: Bộ đã trình Chính phủ cho ý kiến tại Tờ trình số 6535/TTr-BNNMT, ngày 20/6/2026.

- Đối với Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi): Bộ đã trình Chính phủ xem xét thông qua chính sách của Luật tại Tờ trình số 5220/TTr-BNNMT ngày 22/5/2026. Theo kế hoạch, sau khi Chính phủ phê duyệt chính sách của Luật, Bộ sẽ khẩn trương xây dựng hồ sơ dự án Luật để trình Quốc hội xem xét thông qua tại Kỳ họp thứ 2. Bộ đang tích cực phối hợp với Ban Chính sách, chiến lược Trung ương triển khai Đề án Tổng kết Nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 22/10/2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; dự kiến sẽ báo cáo, xin ý kiến Ban Chấp hành Trung ương Đảng tại Hội nghị Trung ương 3 (tháng 7/2026). Theo đó, Bộ dự kiến sẽ đề xuất trình Trung ương chỉ đạo các nội dung lớn cho việc sửa đổi, bổ sung Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi).

- Đối với nhiệm vụ xây dựng Luật Đất đai (sửa đổi), Bộ đang được giao chủ trì thực hiện Đề án sơ kết Nghị quyết số 18- NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII và Đề án về quan điểm, định hướng sửa đổi Luật Đất đai để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định; đồng

---

<sup>1</sup> Tại các Quyết định số 288/QĐ-BNNMT ngày 23/01/2026 và Quyết định số 1818/QĐ-BNNMT ngày 20/5/2026

<sup>2</sup> Gồm: 01 dự án luật, 15 nghị định, 05 nghị quyết của chính phủ, 06 quyết định của Thủ tướng Chính phủ, 43 thông tư

<sup>3</sup> Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Luật Tài nguyên, môi trường biển và hải đảo (sửa đổi).

<sup>4</sup> Luật Đất đai (sửa đổi); Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

thời đang tiếp tục tổng hợp ý kiến của các bộ, ngành, địa phương, đánh giá tác động chính sách, hoàn thiện hồ sơ dự án Luật theo quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật. Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Bộ đang đề xuất trình Luật Đất đai (sửa đổi) vào Kỳ họp không thường lệ để cho ý kiến và trình Quốc hội thông qua tại Kỳ họp thứ 2.

- Đối với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 10 luật có liên quan đến thủ tục hành chính, điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường : Chính phủ đề xuất đưa dự án Luật vào Chương trình Kỳ họp không thường lệ của Quốc hội (dự kiến diễn ra vào tháng 7-8/2026). Hiện nay, Bộ đang khẩn trương xây dựng dự thảo Luật này để trình Chính phủ vào đầu tháng 7/2026 (dự thảo Luật đã được Bộ Tư pháp thẩm định).

## **2. Đối với các văn bản thuộc thẩm quyền của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ**

Tổng số văn bản do Bộ chủ trì soạn thảo được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành từ đầu năm 2026 đến nay là **30** văn bản (gồm: 22 nghị định<sup>5</sup>, 04 nghị quyết của Chính phủ, 04 quyết định của Thủ tướng Chính phủ<sup>6</sup>).

Hiện nay, Bộ đang khẩn trương hoàn thành để trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ **04** văn bản trong kế hoạch công tác tháng 6/2026 (gồm: 02 nghị định<sup>7</sup>, 02 quyết định<sup>8</sup>).

## **3. Đối với văn bản thuộc thẩm quyền của Bộ trưởng**

Tính đến ngày 20/6/2026, đã có **26/43** thông tư được ban hành, **01** thông tư chậm được ban hành.

Như vậy, tính đến nay Bộ đã hoàn thành **48/71** văn bản thuộc kế hoạch công tác 6 tháng đầu năm, đạt **67,6%**. Bộ hoàn thành trình ban hành văn bản quy định chi tiết các luật, nghị quyết thông qua tại kỳ họp thứ 10 Quốc hội khóa XV và kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa XVI.

<sup>5</sup> Trong đó có 19 nghị định, 01 quyết định) thuộc kế hoạch công tác năm 2025 đã trình chuyển sang.

<sup>6</sup> Trong đó có 01 quyết định thuộc kế hoạch công tác năm 2025 đã trình chuyển sang.

<sup>7</sup> (1) Nghị định sửa đổi, bổ sung Nghị định số 40/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về quản lý sản xuất, kinh doanh muối. Đơn vị chủ trì soạn thảo: *Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn*;

(2) Nghị định thay thế Nghị định số 45/2022/NĐ-CP ngày 07/7/2022 của Chính phủ quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực bảo vệ môi trường. Đơn vị chủ trì soạn thảo: *Cục Môi trường*

<sup>8</sup> (1) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ ban hành danh mục lĩnh vực, cơ sở phát thải khí nhà kính phải thực hiện kiểm kê khí nhà kính. Đơn vị chủ trì soạn thảo: *Cục Biến đổi khí hậu*

(2) Quyết định của Thủ tướng Chính phủ hướng dẫn xác định dự án xanh, dự án đáp ứng tiêu chí tuần hoàn và áp dụng khung tiêu chuẩn môi trường, xã hội, quản trị. Đơn vị chủ trì soạn thảo: *Cục Môi trường*

## **II. Công tác Kế hoạch - Tài chính**

### **1. Công tác tổng hợp, chiến lược, kế hoạch**

#### ***1.1. Tham mưu, xây dựng, trình ban hành các Chương trình, kế hoạch hành động***

- Trình Chính phủ ban hành Nghị quyết số 85/NQ-CP ngày 04/4/2026 về Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 219-KL/TW ngày 26/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 16/6/2022 của Ban Chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

- Đảng ủy Bộ đã ban hành: (1) Chương trình hành động của Đảng ủy Bộ thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XIV (Số 10-CTr/KH ngày 20/3/2026); (2) Kế hoạch hành động của Đảng ủy Bộ thực hiện Nghị quyết số 79-NQ/TW của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế nhà nước (số 26-KH/ĐU ngày 9/3/2026); (3) Kế hoạch hành động thực hiện Kết luận số 18-KL/TW (gắn với mục tiêu tăng trưởng 2 con số) và kế hoạch thực hiện nhiệm vụ trọng tâm nhiệm kỳ 2026-2031 của Chính phủ (số 34-KH/ĐU ngày 29/4/2026); (4) Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 219-KL/TW của Bộ Chính trị và Nghị quyết số 85/NQ-CP của Chính phủ về nông nghiệp, nông dân, nông thôn (số 35/CTr/ĐU ngày 27/5/2026).

- Bộ đã ban hành: (1) Chương trình hành động của Bộ NN&MT thực hiện các Nghị quyết số 01/NQ-CP và số 02/NQ-CP năm 2026 của Chính phủ (Quyết định số 223/QĐ-BNNMT ngày 20/01/2026); (2) Kế hoạch thực hiện các nhiệm vụ quan trọng hàng đầu của Chính phủ nhiệm kỳ 2026 – 2031 trong ngành Nông nghiệp và Môi trường (Quyết định số 1806/QĐ-BNNMT ngày 19/5/2026); (3) Ban hành 02 văn bản hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương xây dựng kế hoạch và dự toán NSNN năm 2027 và kế hoạch tài chính – ngân sách nhà nước 3 năm 2027 – 2029 từ nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường (Văn bản số 3318/BNNMT-KHTC ngày 07/4/2026 và 3319/BNNMT-KHTC ngày 07/4/2026).

#### ***1.3. Cơ cấu lại ngành nông nghiệp***

- Bộ đã hoàn thiện báo cáo đánh giá kết quả 5 năm thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại ngành giai đoạn 2021 - 2025 theo Quyết định số 255/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ; tiếp tục theo dõi đánh giá tình hình cơ cấu lại ngành nông nghiệp. Từ đầu năm, toàn ngành tiếp tục triển khai các nhiệm vụ giải pháp cơ cấu lại ngành nông nghiệp theo kế hoạch đã đề ra chuyển dịch ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, phát triển kinh tế xanh, phát triển bền vững, nâng cao chất lượng, giá trị gia tăng và khả năng cạnh tranh của hàng hóa nông sản; Chủ động phối hợp với các địa phương chỉ đạo điều chỉnh kế hoạch sản xuất, cơ cấu mùa vụ, chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo hướng phát triển các

chuỗi ngành hàng, bố trí cơ cấu giống phù hợp với diễn biến thời tiết và tín hiệu thị trường, bảo đảm hạn chế tối đa thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh và ảnh hưởng của giá vật tư nông nghiệp. Nhờ vậy, cơ cấu sản xuất được điều chỉnh theo hướng phát huy lợi thế của mỗi địa phương, vùng, miền và cả nước, gắn với nhu cầu thị trường, thích ứng với biến đổi khí hậu, hội nhập quốc tế.

#### ***1.4. Công tác quản lý đầu tư công***

##### **a) Thực hiện Kế hoạch đầu tư công năm 2026**

- Kế hoạch năm 2026 được Thủ tướng Chính phủ giao là 6.699 tỷ đồng (gồm vốn trong nước 5.555 tỷ đồng, vốn ODA 1.144 tỷ đồng). Nguồn vốn kế hoạch năm 2025 kéo dài sang năm 2026 là 955 tỷ đồng của 25 dự án. Ngay từ đầu năm, Bộ đã phân bổ hết cho 94 dự án/nhiệm vụ, nếu tính cả các dự án thành phần thì có 138 dự án/nhiệm vụ.

- Bộ đã ban hành các Quyết định điều chỉnh vốn linh hoạt (QĐ số 5819/QĐ-BNNMT ngày 30/12/2025, QĐ số 988/QĐ-BNNMT ngày 24/3/2026, và QĐ số 2173/QĐ-BNNMT ngày 08/6/2026 cùng Thông báo số 4713/TB-BNNMT) điều chuyển tổng cộng 1.190 tỷ đồng từ các dự án chậm tiến độ sang các dự án có khả năng giải ngân ngay.

b) Kế hoạch đầu tư công trung hạn 2026-2030: Hoàn thành tổng hợp và báo cáo Thủ tướng Chính phủ, Quốc hội về nhu cầu Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 của Bộ với tổng số vốn đăng ký là 154.500 tỷ đồng tại Văn bản số 4832/BNNMT-KHTC ngày 14/5/2026, bảo đảm đúng thời hạn đề ra.

c) Quyết toán và Thẩm tra vốn đầu tư: Triển khai công tác phê duyệt quyết toán vốn đầu tư công theo niên độ năm 2025 đúng hạn đối với các dự án được giao theo dõi để gửi tổng hợp báo cáo chung toàn Bộ. Đồng thời, thực hiện tốt công tác thẩm tra quyết toán dự án hoàn thành và quản lý hệ thống dữ liệu TABMIS.

#### ***1.5. Công tác quản lý tài chính, tài sản công***

- Giao, điều chỉnh dự toán NSNN 04 đợt năm 2026. Hướng dẫn các đơn vị thực hiện tiết kiệm chi thường xuyên NSNN năm 2026 và báo cáo Bộ tài chính phương án tiết kiệm chi thường xuyên dự toán năm 2026 theo Nghị quyết của Chính phủ tại Văn bản 5586/BNNMT-KHTC ngày 30/5/2026.

- Tiến hành tổng kiểm kê tài sản công theo Đề án 213 và kiểm tra hiện trạng đất đai, nhà xưởng dôi dư của 346 cơ sở trực thuộc Bộ để quản lý đúng quy định; định kỳ báo cáo Bộ Tài chính, Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ.

#### ***1.6. Công tác quản lý doanh nghiệp***

- Trình Thủ tướng Chính phủ kế hoạch tái cơ cấu doanh nghiệp giai đoạn 2026-2030 (Tờ trình số 432/TTr-BNNMT, CV số 1565/BNNMT-KHTC và CV số 5998/BNNMT-KHTC ngày 09/6/2026).

- Hoàn thành phân bổ dự toán NSNN năm 2026 nguồn chi thường xuyên cho các doanh nghiệp công ích trực thuộc Bộ. Giao dự toán ngân sách nguồn hỗ trợ đào tạo doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Ban hành Quyết định số 2253/QĐ-BNNMT ngày 15/6/2026 và Công văn số 6158/BNNMT-KHTC ngày 12/6/2026 về giao chỉ tiêu giám sát tài chính và đánh giá xếp loại năm 2026 đối với các doanh nghiệp.

### **III. Công tác tổ chức cán bộ**

#### **1. Về kiện toàn tổ chức bộ máy cơ quan hành chính, đơn vị sự nghiệp**

- Bộ đã ban hành Quyết định sửa đổi, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của 08 Cục trực thuộc Bộ<sup>9</sup> để phân định rõ trách nhiệm giữa quản lý nhà nước và đơn vị sử dụng ngân sách.

- Ban hành các Quyết định quy định lại chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Bộ, Vụ Pháp chế, Cục Chăn nuôi và Thú y, sửa đổi bổ sung quyết định đối với Cục Thủy sản và Kiểm ngư<sup>10</sup>.

- Ban hành 11 Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc Viện Khoa học Thủy lợi Việt Nam; rà soát, phối hợp với các đơn vị liên quan thẩm định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị của Viện Khoa học Lâm nghiệp Việt Nam theo thẩm quyền của Bộ.

- Thực hiện Kết luận của Thủ tướng Chính phủ Lê Minh Hưng, Bộ đang chỉ đạo Vụ TCCB phối hợp với các Cục rà soát, đề xuất cắt giảm, sắp xếp lại các ĐVSN và bỏ các chi cục vùng trực thuộc, làm cơ sở xây dựng Nghị định mới của Bộ; đồng thời, phối hợp các cơ quan của các bộ, ngành để phân định rõ chức năng về quản lý khoáng sản, an toàn thực phẩm, bảo hộ giống cây trồng, kiểm dịch động vật, nước sạch nông thôn...hoàn thiện hồ sơ báo cáo Chính phủ.

#### **2. Công tác quản lý biên chế và vị trí việc làm**

- Báo cáo thực hiện phân cấp, phân quyền, rà soát nhiệm vụ bổ sung đề đề xuất biên chế tương ứng. Đảng ủy Bộ đã có đề xuất, kế hoạch biên chế giai đoạn 2026 - 2031 theo vị trí việc làm gửi Ban Tổ chức Trung ương và Bộ Nội vụ tổng hợp để báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định<sup>11</sup>.

- Chỉ đạo rà soát danh mục vị trí việc làm, xây dựng bản mô tả việc làm, đề xuất tỷ lệ bố trí công chức theo vị trí việc làm và ngạch để triển khai Nghị định số 361/2025/NĐ-CP<sup>24</sup>; tiếp tục triển khai xây dựng vị trí việc làm công chức theo đúng quy định.

<sup>9</sup> Quyết định số 172/QĐ-BNNMT, ngày 16/01/2026

<sup>10</sup> Điều chuyển nhiệm vụ thực hiện nhiệm vụ giữa các đơn vị thuộc Bộ như: công tác kiểm soát, thủ tục hành chính từ Văn phòng Bộ về Vụ Pháp chế; điều chỉnh chức năng phòng, chống dịch bệnh thủy sản.

<sup>11</sup> Các Văn bản: số 333-CV/ĐU ngày 06/02/2026 và 442-CV/ĐU ngày 30/3/2026 của Đảng ủy Bộ.

### **3. Công tác quản lý công chức, viên chức**

Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ đã ban hành Quy định số 151-QĐ/ĐU ngày 12/01/2026 về phân cấp quản lý cán bộ thuộc Bộ, Quy định số 222-QĐ/ĐU ngày 30/3/2026 về công tác quy hoạch cán bộ; Bộ trưởng đã ban hành Quyết định số 2165/QĐ-BNNMT ngày 08/6/2026 phê duyệt lĩnh vực và vị trí việc làm ưu tiên thu hút, trọng dụng người có tài năng của Bộ giai đoạn 2026- 2031; Quyết định số 1660/QĐ-BNNMT ngày 08/5/2026 ban hành Kế hoạch triển khai Nghị định số 335/2025/NĐ-CP ngày 21/12/2025 của Chính phủ quy định về đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cơ quan hành chính nhà nước và công chức; Kế hoạch thực hiện Quyết định số 534/QĐ-TTg ngày 31/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Kế hoạch thực hiện Kết luận số 226-KL/TW ngày 11/12/2025 của Ban Bí thư về việc chấn chỉnh lề lối làm việc, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị.

### **4. Công tác đào tạo, bồi dưỡng**

- Chỉ đạo, hướng dẫn triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng: tăng cường quản lý đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài; triển khai các Thông tư số 24, 25/2026/TT-BGDĐT về chuẩn nghề nghiệp giáo viên, giảng viên gửi các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc Bộ; triển khai Chỉ thị số 14/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh bồi dưỡng và đánh giá kiến thức, kỹ năng số đối với cán bộ, công chức, viên chức; xây dựng và ban hành Kế hoạch hỗ trợ học sinh, sinh viên khởi nghiệp giai đoạn 2026–203561.

- Chỉ đạo triển khai Đề án phát triển nguồn nhân lực ngành Nông nghiệp và Môi trường đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045: tham mưu thành lập Ban Soạn thảo, Tổ Biên tập; tổ chức phiên thảo luận về quan điểm tiếp cận theo hướng phát triển nguồn nhân lực toàn diện, không thuần túy về đào tạo; phân công nhiệm vụ cụ thể đối với các thành viên tập trung vào 04 nhóm nội dung (thực trạng, dự báo nhu cầu, điểm nghẽn và giải pháp). Đồng thời ban hành Kế hoạch phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người dân tộc thiểu số (bao gồm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng kỹ năng).

## **IV. Lĩnh vực Khoa học và Công nghệ**

### **1. Công tác quản lý nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số**

Triển khai đồng bộ các chương trình, kế hoạch, nhiệm vụ khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; ưu tiên các nhiệm vụ trọng tâm theo Nghị quyết số 57-NQ/TW, kế hoạch khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo 5 năm giai đoạn 2026-2030 và các nhiệm vụ phục vụ phát triển công nghệ chiến lược. Công bố Danh mục 15 bài toán lớn về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số; phân công, giao nhiệm vụ xây dựng đề xuất, thuyết minh 31 nhiệm vụ, chuỗi nhiệm vụ tại Quyết định số 287/QĐ-BNNMT ngày

23/01/2026. Ban hành Quyết định số 792/QĐ-BNNMT ngày 10/3/2026 về Kế hoạch năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06.

- Tổ chức rà soát, đánh giá các đề xuất nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo dự kiến bắt đầu thực hiện từ năm 2027. Bộ (qua Vụ KH&CN) đã tiếp nhận 667 đề xuất đặt hàng; tổ chức các Tổ chuyên gia tư vấn, trong đó đã tư vấn, đề xuất đặt hàng 176 nhiệm vụ; còn 01 lĩnh vực tiếp tục tổ chức họp Tổ chuyên gia.

## **2. Về việc triển khai Nghị quyết 57-NQ/TW**

- Ban Thường vụ Đảng ủy Bộ, Lãnh đạo Bộ đã ban hành trên 110 văn bản chỉ đạo, giao trách nhiệm; tổ chức trên 70 hội nghị, cuộc họp quán triệt, chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ được giao.

- Tính đến thời điểm báo cáo, Bộ Nông nghiệp và Môi trường được giao 295 nhiệm vụ trên Hệ thống báo cáo Nghị quyết số 57-NQ/TW; đã hoàn thành 181 nhiệm vụ; không có nhiệm vụ chậm, muộn; còn 114 nhiệm vụ đang triển khai, trong đó có 04 nhiệm vụ phải hoàn thành trước ngày 30/6/2026.

## **3. Công tác phát triển công nghệ chiến lược và sản phẩm công nghệ chiến lược**

Chủ động tham gia xây dựng Danh mục công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược; triển khai Quyết định số 21/2026/QĐ-TTg và Quyết định số 808/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ.

Đến ngày 12/6/2026, Bộ đã tổng hợp 15 nhiệm vụ phát triển công nghệ chiến lược, sản phẩm công nghệ chiến lược với tổng khái toán kinh phí 1.328,8 tỷ đồng; rà soát trên 240 loại giống, vắc xin, chế phẩm sinh học, bước đầu xác định 13 sản phẩm cơ bản đáp ứng tiêu chí sản phẩm công nghệ cao/công nghệ chiến lược. Tổ chức làm việc với trên 20 doanh nghiệp tiên phong, Đại học Quốc gia Hà Nội, hơn 50 chuyên gia, nhà khoa học trong và ngoài ngành để triển khai mô hình hợp tác “3 Nhà: Nhà nước - Nhà trường/Viện nghiên cứu - Doanh nghiệp/Nhà nông”.

## **4. Công tác tiêu chuẩn, quy chuẩn, đo lường, chất lượng**

- Năm 2026, Bộ triển khai 148 nhiệm vụ xây dựng TCVN và 05 nhiệm vụ xây dựng QCVN. Tính đến ngày 01/6/2026, đã công bố 11 TCVN; đề nghị công bố 44 TCVN; đã thẩm định 19 TCVN và 02 QCVN; tiếp tục triển khai 74 nhiệm vụ xây dựng TCVN và 03 nhiệm vụ xây dựng QCVN.

- Theo bảng tổng hợp thực hiện kế hoạch xây dựng tiêu chuẩn, quy chuẩn năm 2026, tổng số nhiệm vụ là 153; đã hoàn thành 11 nhiệm vụ, đề nghị công bố/ban hành 44 nhiệm vụ, thẩm định 21 nhiệm vụ, còn lại 77 nhiệm vụ tiếp tục triển khai, trong đó có 60 nhiệm vụ chậm tiến độ.

- Hệ thống TCVN, QCVN do Bộ Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xây dựng hiện có 212 QCVN và 1.985 TCVN; một số lĩnh vực như viễn thám, tài nguyên nước, biến đổi khí hậu, đất đai còn ít tiêu chuẩn, quy chuẩn, cần tiếp tục rà soát, hoàn thiện để đáp ứng yêu cầu quản lý thực tiễn.

## **V. Lĩnh vực hợp tác quốc tế**

Công tác chỉ đạo, điều hành đối với hoạt động đoàn ra, đoàn vào được triển khai chủ động, chặt chẽ, đúng quy định, bảo đảm phục vụ kịp thời các hoạt động đối ngoại của Lãnh đạo cấp cao, Lãnh đạo Bộ và các đoàn công tác chuyên môn. Đã tổ chức 17 đoàn công tác của Lãnh đạo Bộ bao gồm các đoàn công tác tại: Hoa Kỳ, Canada và Mexico, Liên bang Nga, Hàn Quốc, Italia và Thổ Nhĩ Kỳ, Nhật Bản, Trung Quốc, Brunei, Lào, Cộng hòa Liên bang Đức và Na Uy, Thụy Điển và Phần Lan. Các đoàn công tác tập trung vào những nhiệm vụ trọng tâm như tham gia đàm phán thương mại đối ứng với Hoa Kỳ; làm việc về đánh giá tương đương trong thực thi Đạo luật Bảo tồn thú biển của Hoa Kỳ; tham dự Nhóm công tác chung về gỗ giữa Việt Nam và Hoa Kỳ; thúc đẩy hợp tác nông nghiệp, tiếp cận thị trường và phát triển nông sản tại khu vực Bắc Mỹ; tháp tùng Lãnh đạo cấp cao thăm Trung Quốc, Liên bang Nga; tham dự Tuần lễ quốc tế Chuyển đổi xanh và Đối thoại chính sách cấp cao tại Hàn Quốc; tham dự Hội nghị Bộ trưởng FAO khu vực châu Á - Thái Bình Dương lần thứ 38 tại Brunei; làm việc với phía Lào về dự án khôi phục, hoàn thiện mạng lưới độ cao quốc gia Lào; làm việc với các cơ quan, đối tác của Đức, Na Uy về lĩnh vực môi trường; làm việc với phía Nga về địa chất, khoáng sản; khảo sát, trao đổi kinh nghiệm về phát triển viễn thám tại Thụy Điển, Phần Lan và tham gia các hoạt động đối ngoại khác theo phân công của Lãnh đạo Bộ.

Trong công tác hội nhập kinh tế quốc tế, đàm phán, ký kết, thực hiện điều ước quốc tế và thỏa thuận quốc tế, Bộ đã chỉ đạo, điều phối xử lý đồng thời nhiều tiến trình quan trọng, bao gồm chuẩn bị nội dung hợp Ủy ban Thương mại và Phát triển bền vững trong khuôn khổ EVFTA; chuẩn bị phương án kết thúc đàm phán Hiệp định thương mại tự do Việt Nam - EFTA; tham gia đàm phán Thỏa thuận thương mại ưu đãi Việt Nam - Pakistan; xây dựng phương án xử lý nội dung liên quan đến Bộ trong quá trình Costa Rica gia nhập CPTPP; chuẩn bị phương án đàm phán các FTA ASEAN - Ấn Độ, ASEAN - Canada; chuẩn bị nội dung đàm phán nông nghiệp tại WTO, Rà soát chính sách thương mại của Việt Nam trong khuôn khổ WTO và các phiên đàm phán liên quan đến Hiệp định thương mại đối ứng Việt Nam - Hoa Kỳ. Song song với đó, Bộ thúc đẩy, ký kết hoặc hoàn thiện nhiều thỏa thuận hợp tác song phương với Malaysia, Hàn Quốc, Nhật Bản, Na Uy, Cuba, UAE, Ả-rập Xê-út, Zambia, Bulgaria, Áo, Wallonia (Bỉ) và các đối tác khác. Công tác huy động, điều phối nguồn lực quốc tế tiếp tục được chỉ đạo quyết liệt, tập trung vào các lĩnh vực biến đổi khí hậu, môi trường, kinh tế tuần hoàn, thủy lợi, lâm nghiệp, chuỗi giá trị nông nghiệp, an toàn thực phẩm, chuyển đổi số và phát triển bền vững.



## VI. Chuyển đổi số

**1. Tập trung tham mưu hoàn thiện hành lang pháp lý, tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật và các công cụ quản trị dữ liệu phục vụ chuyển đổi số ngành NN&MT. Kết quả nổi bật như sau:**

- Đảng ủy Bộ đã ban hành Chương trình hành động thực hiện Chỉ thị số 57-CT/TW và Kế hoạch số 04-KH/BCĐTW về bảo đảm an ninh mạng, bảo mật thông tin và an ninh dữ liệu<sup>12</sup>.

- Bộ đã ban hành **02** Chiến lược (Chuyển đổi số<sup>13</sup>, Dữ liệu<sup>14</sup>), **02** Khung Kiến trúc (Khung Kiến trúc số<sup>15</sup>, Khung Kiến trúc dữ liệu<sup>16</sup>), **19** Quy định kỹ thuật CSDL, **14** Kế hoạch<sup>17</sup> và **04** Quyết định công bố, hướng dẫn kết nối để khai thác, sử dụng dữ liệu<sup>18</sup>.

### 2. Về phát triển dữ liệu số và kết nối, chia sẻ dữ liệu

Đến nay, Bộ đã hoàn thành kết nối, đồng bộ 12 cơ sở dữ liệu quốc gia và cơ sở dữ liệu chuyên ngành với Trung tâm Dữ liệu quốc gia; đồng thời tiếp tục triển khai các nhiệm vụ kết nối, khai thác dữ liệu dân cư, doanh nghiệp và các cơ sở dữ liệu quốc gia phục vụ giải quyết thủ tục hành chính và cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Cùng với đó, Bộ tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thuộc Bộ xây dựng, cập nhật, chuẩn hóa dữ liệu chuyên ngành; thúc đẩy hình thành hệ sinh thái dữ liệu dùng chung phục vụ chỉ đạo, điều hành, hoạch định chính sách và phát triển các dịch

<sup>12</sup> Chương trình hành động số 12-CTr/ĐU ngày 27/3/2026.

<sup>13</sup> Quyết định số 4731/QĐ-BNNMT ngày 11/11/2025.

<sup>14</sup> Quyết định số 4742/QĐ-BNNMT ngày 11/11/2025.

<sup>15</sup> Quyết định số 5445/QĐ-BNNMT ngày 17/12/2025.

<sup>16</sup> Quyết định số 1805/QĐ-BNNMT ngày 19/05/2026.

<sup>17</sup> (1) Kế hoạch thực hiện Kế hoạch số 02-KH/BCĐTW ngày 19/6/2025 (số 13-KH/ĐU ngày 27/06/2025); (2) Kế hoạch năm 2025 của Bộ triển khai thực hiện Đề án 06/CP (số 1311/QĐ-BNNMT ngày 7/5/2025); (3) Kế hoạch Chuyển đổi số năm 2025 của Bộ (số 2696/QĐ-BNNMT ngày 15/7/2025); (4) Kế hoạch xây dựng các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành (số 2914/QĐ-BNNMT ngày 30/07/2025); (5) Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 214/NQ-CP ngày 23/07/2025 của Chính phủ (số 3211/QĐ-BNNMT ngày 14/8/2025); (6) Kế hoạch triển khai Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ (số 4554/QĐ-BNNMT ngày 31/10/2025); (7) Kế hoạch triển khai Nền tảng quản lý trồng trọt và bảo vệ thực vật (số 439/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026); (8) Kế hoạch phối hợp triển khai các nhiệm vụ của Đề án 06/CP (số 395/KHPPH-BCA-BNN&MT ngày 27/6/2025); (9) Kế hoạch phối hợp triển khai thực hiện chiến dịch làm giàu, làm sạch cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai (số 515/KH-BCA-BNN&MT ngày 31/8/2025); (10) Kế hoạch cải cách hành chính năm 2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường (số 5918/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025); (11) Kế hoạch chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường năm 2026 (số 5943/QĐ-BNNMT ngày 31/12/2025); (12) Kế hoạch Chuyển đổi số của Bộ Nông nghiệp và Môi trường giai đoạn 2026-2030 (số 1173/QĐ-BNNMT ngày 6/4/2026); (13) Kế hoạch tăng cường đẩy mạnh công tác đo đạc, lập bản đồ địa chính, lập hồ sơ địa chính và hoàn thành cơ sở dữ liệu quốc gia về đất đai (số 2959/KH-BNNMT-BCA ngày 29/3/2026); (14) Kế hoạch triển khai Đề án 06/CP giai đoạn 2026-2030 (Quyết định số 1902/QĐ-BNNMT ngày 25/5/2026).

<sup>18</sup> (1) CSDL quốc gia về đất đai (Quyết định số 441/QĐ-BNNMT ngày 02/02/2026); (2) CSDL nghề cá quốc gia; (3) CSDL nuôi trồng thủy sản (Quyết định số 2120/QĐ-BNNMT ngày 03/6/2026); (4) CSDL trồng trọt (Quyết định số 2167/QĐ-BNNMT ngày 08/6/2026); (5) CSDL về khai thác sử dụng tài nguyên biển và hải đảo (Quyết định số 2206/QĐ-BNNMT ngày 10/6/2026).

vụ số của ngành.

### 3. Về hạ tầng số, nền tảng số và an toàn thông tin

Tiếp tục duy trì vận hành ổn định hạ tầng số dùng chung, các trung tâm dữ liệu, hệ thống mạng, nền tảng tích hợp, chia sẻ dữ liệu và các hệ thống thông tin phục vụ hoạt động quản lý, điều hành của Bộ.

Công tác bảo đảm an toàn, an ninh mạng được triển khai thường xuyên, liên tục; thực hiện giám sát, cảnh báo, rà soát an toàn thông tin đối với các hệ thống trọng yếu; phối hợp với các cơ quan chức năng triển khai các giải pháp bảo đảm an toàn dữ liệu và an ninh mạng.

## VII. Các lĩnh vực sản xuất nông nghiệp

### 1. Trồng trọt và Bảo vệ thực vật

- Trong 6 tháng đầu năm 2026, lĩnh vực trồng trọt và bảo vệ thực vật duy trì tăng trưởng ổn định, góp phần bảo đảm an ninh lương thực và bám sát mục tiêu tăng trưởng 2,5 - 2,75% cùng kim ngạch xuất khẩu nông sản chủ lực đạt 35,45 tỷ USD. Sản xuất được tổ chức linh hoạt, thích ứng hiệu quả với Đề án 1 triệu ha lúa chất lượng cao và các chương trình bền vững (IPM, IPHM); trong đó, sản lượng lúa đạt trên 22,1 triệu tấn (năng suất tăng 1,48%), cùng đà tăng trưởng khá của các cây trồng chủ lực như hồ tiêu (+6,4%), dừa (+4,9%), chè (+2,9%), cao su (+1,9%) và rau các loại (+2,4%).

Hướng dẫn các địa phương điều chỉnh cơ cấu cây trồng, chuyển đổi diện tích đất trồng lúa kém hiệu quả sang các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao hơn, góp phần nâng cao hiệu quả sử dụng đất và thích ứng với điều kiện sản xuất của từng vùng: Trong 6 tháng đầu năm 2026, các địa phương đã chuyển đổi khoảng 35,3 nghìn ha đất trồng lúa sang mục đích sử dụng hiệu quả hơn, gồm 9,9 nghìn ha chuyển sang trồng cây hàng năm, 7,2 nghìn ha chuyển sang trồng cây lâu năm, 3,7 nghìn ha chuyển sang nuôi trồng thủy sản và 14,5 nghìn ha chuyển sang đất phi nông nghiệp.

Về việc triển khai Đề án phát triển bền vững 1 triệu héc-ta chuyên canh lúa chất lượng cao, phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long: Đến nay, **100%** địa phương đã ban hành kế hoạch triển khai Đề án; tổng diện tích áp dụng toàn bộ hoặc một phần quy trình canh tác bền vững đạt **hơn 379 nghìn ha**, bằng **110,8%** kế hoạch đề ra.

- Công tác bảo vệ thực vật và quản lý vật tư được siết chặt thông qua việc duy trì hiệu quả cảnh báo dịch hại, cấp phép mới 348 loại thuốc bảo vệ thực vật (gồm 30 thuốc sinh học), khảo nghiệm 459 loại phân bón và kiểm dịch xuất nhập khẩu an toàn trên 67,3 triệu tấn hàng hóa (tăng 17,6%). Đồng thời, công tác mở cửa thị trường đạt bước tiến lớn đã ký kết thành công Nghị định thư xuất khẩu bưởi, chanh sang Trung Quốc và lô bưởi đầu tiên sang Úc; song song với việc thiết lập và duy trì 9.811 mã số vùng trồng, 1.525 mã cơ sở đóng gói cùng

999 doanh nghiệp đủ điều kiện xuất khẩu thực phẩm sang Trung Quốc, tạo nền tảng vững chắc để truy xuất nguồn gốc và thúc đẩy tăng trưởng toàn Ngành.

- Dự kiến giá trị sản xuất lĩnh vực trồng trọt quý II tăng 3,0%, trong đó giá trị sản xuất cây hàng năm (CHN) tăng 2,2%, giá trị sản xuất cây lâu năm (CLN) tăng 4,8%; tính chung 6 tháng đầu năm, giá trị sản xuất trồng trọt tăng 2,7%, trong đó CHN tăng 1,7%, CLN tăng 5,0%.

## **2. Chăn nuôi và Thú y**

- Tham mưu, trình Bộ trình Thủ tướng Chính phủ ban hành nội dung văn bản chỉ đạo như: Quyết định số 779/QĐ-TTg ngày 02/5/2026 ban hành “Kế hoạch quốc gia phòng, chống các bệnh Cúm gia cầm, Lở mồm long móng và Dịch tả lợn Châu Phi”, giai đoạn 2026-2030; Công điện số 26/CD-TTg ngày 30/3/2026 về việc chấn chỉnh công tác kiểm soát giết mổ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong thực thi công vụ; Công điện số 35/CD-TTg ngày 25/4/2026 về việc chủ động ngăn chặn, giám sát và ứng phó nguy cơ dịch bệnh Lở mồm long móng do vi rút thuộc serotype SAT1 xâm nhập vào Việt Nam...

- Đạt tăng trưởng của ngành chăn nuôi và thú y tiếp tục duy trì ổn định theo hướng hiện đại, an toàn sinh học; trong đó đàn lợn và gia cầm phục hồi khá, tổng sản lượng thức ăn chăn nuôi công nghiệp đạt khoảng 12,36 triệu tấn (tăng 7,48% so với cùng kỳ năm 2025) nhờ giá các nguyên liệu chính như ngô, khô dầu đậu tương cơ bản ổn định hoặc giảm. Công tác thú y và phòng chống dịch bệnh được triển khai quyết liệt với việc sản xuất, nhập khẩu trên 812 triệu liều vắc-xin cúm gia cầm, 33,5 triệu liều tai xanh, 27,4 triệu liều lở mồm long móng, trên 2,9 triệu liều dịch tả lợn châu Phi, 4,4 triệu liều dại và gần 2,3 triệu liều viêm da nổi cục; đồng thời xử lý trên 11 nghìn hồ sơ hành chính, cấp mới 480 và gia hạn 1.809 giấy chứng nhận lưu hành thuốc thú y, xử phạt 04 doanh nghiệp vi phạm số tiền 730 triệu đồng. Thị trường sản phẩm chăn nuôi duy trì diễn biến tích cực, giá lợn hơi bình quân đạt khoảng 68,2 nghìn đồng/kg (tăng 9,5%), giá gia cầm tăng 5-8%, qua đó thúc đẩy người dân mở rộng tái đàn. Hoạt động nhập khẩu nguyên liệu thức ăn chăn nuôi được thông suốt với khối lượng khoảng 12,75 triệu tấn, giá trị trên 4,14 tỷ USD (tăng 3,3% về khối lượng), góp phần bảo đảm nguồn cung thực phẩm tiêu dùng trong nước và đóng góp tích cực vào tăng trưởng chung của toàn Ngành.

## **3. Thủy sản và Kiểm ngư**

- Tổng sản lượng thủy sản 6 tháng đầu năm ước đạt 4,89 triệu tấn (tăng 3,7% so với cùng kỳ 2025); sản lượng khai thác thủy sản ước đạt 1,95 triệu tấn (giảm 1,2%); sản lượng nuôi trồng thủy sản ước đạt 2,94 triệu tấn (tăng 14,5%);

- So sánh với chỉ tiêu kế hoạch cả năm: tổng sản lượng thủy sản đạt 48,9%, sản lượng khai thác thủy sản đạt 51,9%, sản lượng nuôi trồng thủy sản đạt 47,1%.

- Song song với các nỗ lực bảo vệ, tái tạo nguồn lợi thủy sản, công tác chống khai thác hải sản bất hợp pháp (IUU) được tập trung quyết liệt thông qua việc vận hành Hệ thống giám sát hành trình (VMS) 24/7, xử lý nghiêm vi phạm và phối hợp chặt chẽ với Đoàn thanh tra lần thứ 5 của Ủy ban châu Âu (EC) nhằm hướng tới mục tiêu gỡ cảnh báo "Thẻ vàng". Đặc biệt, công tác hợp tác quốc tế và mở rộng thị trường ghi nhận dấu ấn lớn khi Hoa Kỳ chính thức công nhận tương đương đối với nghề khai thác ghe của Việt Nam theo Đạo luật Bảo vệ thú biển (MMPA) vào ngày 11/5/2026, qua đó tạo động lực và điều kiện thuận lợi để thúc đẩy xuất khẩu thủy sản bền vững trong thời gian tới.

#### **4. Lâm nghiệp và Kiểm lâm**

Công tác bảo vệ rừng có chuyển biến rõ nét khi các chỉ số tiêu cực đều giảm sâu so với cùng kỳ năm 2025 (tương ứng giảm 31,85% số vụ vi phạm với 1.038 vụ, giảm 50,99% diện tích rừng thiệt hại, giảm 64,07% số vụ cháy và 68,12% diện tích cháy). Bên cạnh đó, các chỉ tiêu phát triển duy trì ổn định với tỷ lệ che phủ rừng đạt 42,03%, sản lượng khai thác gỗ rừng trồng ước đạt 10,9 triệu m<sup>3</sup> (tăng 6,8%), diện tích trồng rừng tập trung đạt 131 nghìn ha cùng 45 triệu cây phân tán; đồng thời cấp mới 138,6 nghìn ha chứng chỉ quản lý rừng bền vững, nâng tổng diện tích lên khoảng 865 nghìn ha. Đặc biệt, kinh tế lâm nghiệp tiếp tục là điểm sáng tăng trưởng với kim ngạch xuất khẩu ước đạt 9,15 tỷ USD (tăng 4,45%, xuất siêu 7,35 tỷ USD) và thu dịch vụ môi trường rừng đạt 1.867 tỷ đồng (bằng 53,3% kế hoạch năm, tăng 34,6%).

#### **5. Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường**

Công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm tiếp tục được tăng cường. Trong 5 tháng đầu năm, tỷ lệ mẫu thực phẩm nông lâm thủy sản đáp ứng yêu cầu an toàn thực phẩm đạt 98,3%; tỷ lệ cơ sở được chứng nhận đủ điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đạt 93,7%; tỷ lệ cơ sở ký cam kết tuân thủ quy định an toàn thực phẩm đạt 94%. Toàn ngành đã kiểm tra 4.060 cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản và vật tư nông nghiệp, xử phạt 496 cơ sở vi phạm với tổng số tiền gần 13,8 tỷ đồng.

Bộ tiếp tục mở rộng thị trường xuất khẩu, chủ động xử lý các rào cản kỹ thuật thương mại, tăng cường phối hợp với các cơ quan kiểm tra của Hoa Kỳ, Liên minh châu Âu và các đối tác quốc tế; đồng thời cập nhật, mở rộng danh sách doanh nghiệp đủ điều kiện xuất khẩu vào các thị trường trọng điểm. Các chương trình, đề án về chất lượng, an toàn thực phẩm, chế biến, bảo quản và phát triển thị trường được triển khai hiệu quả, góp phần nâng cao giá trị gia tăng, phát triển chuỗi giá trị nông sản bền vững và thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu.

#### **VIII. Công tác Quản lý đề điều và Phòng chống thiên tai**

Công tác phòng, chống thiên tai và đảm bảo an toàn công trình được chỉ đạo quyết liệt, chủ động ngay từ đầu năm. Bộ đã chỉ đạo các đơn vị theo dõi chặt

chế diễn biến thời tiết, khí tượng thủy văn; hướng dẫn các địa phương chủ động triển khai các phương án ứng phó với hạn hán, thiếu nước, xâm nhập mặn, mưa lớn, lũ, ngập lụt và các tình huống thiên tai cực đoan; đồng thời ban hành Chỉ thị số 3952/CT-BNNMT ngày 22/4/2026 về tăng cường công tác bảo đảm an toàn công trình đê điều, thủy lợi trong mùa mưa, lũ năm 2026.

Trong 6 tháng đầu năm 2026, cả nước xảy ra 13 loại hình thiên tai, làm 29 người chết, mất tích; thiệt hại về kinh tế ước khoảng 513,6 tỷ đồng, bằng khoảng 36% so với cùng kỳ năm 2025. Trước diễn biến thiên tai phức tạp, Bộ đã kịp thời tham mưu Thủ tướng Chính phủ ban hành 06 công điện và nhiều văn bản chỉ đạo ứng phó; duy trì chế độ trực ban 24/24 giờ với hơn 1.613 lượt cán bộ tham gia; tổ chức giao ban hằng ngày, thường xuyên cung cấp thông tin, cảnh báo, hướng dẫn các bộ, ngành và địa phương triển khai các biện pháp ứng phó, góp phần giảm thiểu thiệt hại về người và tài sản.

Bộ đã rà soát, tổng hợp 293 trọng điểm, vị trí xung yếu trên các tuyến đê từ cấp III đến cấp đặc biệt; chỉ đạo, đôn đốc các địa phương xây dựng và triển khai phương án hộ đê, bảo vệ trọng điểm theo phương châm "4 tại chỗ". Đồng thời, chỉ đạo vận hành an toàn hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa thông qua tăng cường quan trắc khí tượng thủy văn, dự báo nguồn nước, tính toán điều tiết hồ chứa, kiểm tra an toàn công trình trước mùa mưa, lũ, bảo đảm an toàn công trình và phục vụ hiệu quả sản xuất, dân sinh.

### **IX. Về kết quả thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia**

Đến tháng 6/2026, Bộ NN&MT đã phối hợp với Bộ Dân tộc và Tôn giáo, Bộ Tài chính và các bộ, cơ quan có liên quan ban hành **54** văn bản, gồm: 01 Nghị quyết của Quốc hội; 02 Nghị định và 01 Nghị quyết của Chính phủ; 07 Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng Chính phủ; 02 Quyết định của Ban Chỉ đạo Trung ương và 41 thông tư, văn bản hướng dẫn của các bộ, cơ quan Trung ương (trong đó có 16/54 văn bản là quy phạm pháp luật, chiếm 29,6%). Tham mưu Chính phủ phân bổ khoảng **70.000** tỷ đồng vốn đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 và khoảng **9.000** tỷ đồng vốn năm 2026. Đồng thời, kiện toàn Ban Chỉ đạo Trung ương các Chương trình mục tiêu quốc gia; đẩy mạnh tập huấn, hướng dẫn địa phương về Bộ tiêu chí NTM và các văn bản mới của Chương trình, trong 6 tháng, Bộ đã tổ chức 05/18 lớp với khoảng **8.000** lượt học viên tham gia là cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và công tác dân tộc các cấp từ trung ương đến địa phương (gồm cả cấp trung ương, tỉnh, xã). Bình quân khoảng 1.600 lượt học viên/lớp. Dự kiến hoàn thành tổ chức 18/18 lớp trong tháng 7/2026. Tiếp tục đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ sở dữ liệu giảm nghèo với gần **5 triệu** dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo, tạo nền tảng nâng cao hiệu quả quản lý, tổ chức thực hiện các Chương trình MTQG.

Về phát triển kinh tế nông thôn và Chương trình OCOP, Bộ đã ban hành Kế hoạch thực hiện nội dung phát triển du lịch nông thôn giai đoạn 2026-2030;

tổ chức Phiên họp Hội đồng đánh giá, phân hạng sản phẩm OCOP cấp Trung ương và công nhận thêm 40 sản phẩm OCOP 5 sao cấp quốc gia, nâng tổng số sản phẩm OCOP 5 sao lên 166 sản phẩm. Tính đến tháng 6 năm 2026, cả nước có 21.028 sản phẩm OCOP đạt từ 3 sao trở lên, tăng 1.986 sản phẩm so với cuối năm 2025; có 10.657 chủ thể OCOP tham gia, trong đó hợp tác xã chiếm 32,3%, doanh nghiệp nhỏ chiếm 25,4%. Chương trình OCOP tiếp tục phát triển cả về quy mô và chất lượng, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế nông thôn, nâng cao thu nhập cho người dân và xây dựng thương hiệu sản phẩm địa phương.

## **X. Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn**

### **1. Lĩnh vực Kinh tế hợp tác và Trang trại:**

Về kết quả phát triển kinh tế hợp tác, đến hết tháng 6 năm 2026, cả nước có 102 liên hiệp hợp tác xã nông nghiệp và 23.389 hợp tác xã nông nghiệp, tăng 287 hợp tác xã so với đầu năm, đạt 98,2% kế hoạch năm; có khoảng 36.000 tổ hợp tác nông nghiệp đang hoạt động. Tổng số thành viên tham gia hợp tác xã nông nghiệp đạt khoảng 4,15 triệu người, đạt 98,8% chỉ tiêu năm 2026. Doanh thu bình quân của một hợp tác xã nông nghiệp đạt khoảng 2,7 tỷ đồng/năm, lợi nhuận bình quân đạt khoảng 450 triệu đồng/năm.

Cả nước hiện có gần 2.500 HTX nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao và chuyển đổi số; 4.339 HTX tham gia liên kết tiêu thụ nông sản cho thành viên; 2.169 HTX có sản phẩm OCOP, chiếm khoảng 37,9% tổng số chủ thể OCOP được công nhận; khoảng 1.200 HTX tham gia phát triển du lịch nông nghiệp, nông thôn.

Đối với kinh tế trang trại, cả nước hiện có 26.108 trang trại đang hoạt động, tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong phát triển nông nghiệp hàng hóa quy mô lớn, ứng dụng công nghệ cao và phát triển chuỗi giá trị. Nhiều trang trại đã chuyển đổi theo hướng tích tụ đất đai, ứng dụng khoa học công nghệ, gắn sản xuất với chế biến, tiêu thụ và du lịch nông nghiệp, góp phần nâng cao thu nhập cho người dân, tạo việc làm ở khu vực nông thôn, đồng thời đóng góp tích cực vào bảo vệ môi trường và phát triển nông nghiệp bền vững.

### **2. Lĩnh vực ngành nghề nông thôn:**

Đến hết Quý II năm 2026, cả nước có 1.975 làng nghề và làng nghề truyền thống được công nhận, gồm 1.315 làng nghề và 660 làng nghề truyền thống; có 263 nghề truyền thống được công nhận. Toàn quốc hiện có trên 586 nghìn cơ sở sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn, bao gồm gần 14 nghìn doanh nghiệp, hơn 6 nghìn hợp tác xã và trên 563 nghìn hộ gia đình, thu hút trên 2,1 triệu lao động tham gia, với mức thu nhập bình quân đạt khoảng 4 - 5 triệu đồng/người/tháng.

Hoạt động sản xuất, kinh doanh ngành nghề nông thôn tiếp tục phát triển ổn định, đóng góp quan trọng vào tăng trưởng kinh tế khu vực nông thôn, nâng

cao giá trị sản phẩm hàng hóa và thúc đẩy xuất khẩu. Tính đến hết tháng 5 năm 2026, kim ngạch xuất khẩu của nhiều nhóm sản phẩm ngành nghề nông thôn tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực; trong đó, xuất khẩu gỗ và sản phẩm gỗ đạt 7,02 tỷ USD, tăng 2,9% so với cùng kỳ năm 2025; gốm sứ đạt 277,59 triệu USD, tăng 5,7%; thủy tinh và các sản phẩm thủy tinh đạt 618,52 triệu USD, tăng 17,9%; sản phẩm mây tre, cói, thảm đạt gần 400 triệu USD, tăng 8,6% so với cùng kỳ năm trước. Những kết quả trên cho thấy ngành nghề nông thôn tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nông thôn, tạo việc làm, nâng cao thu nhập cho người dân, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống và góp phần thúc đẩy tăng trưởng xuất khẩu của ngành nông nghiệp.

### **3. Lĩnh vực diêm nghiệp:**

Lũy kế đến tháng 6 năm 2026, diện tích sản xuất muối cả nước đạt khoảng 10.995 ha; sản lượng muối đạt khoảng 532,9 nghìn tấn; lượng muối tiêu thụ đạt khoảng 320,5 nghìn tấn; tồn kho khoảng 125,2 nghìn tấn; sản lượng muối chế biến đạt khoảng 47,3 nghìn tấn. Cả nước hiện có khoảng 8.528 hộ làm muối với trên 18.200 lao động tham gia sản xuất. So với thời điểm đầu năm, diện tích và sản lượng muối đều tăng theo tiến độ mùa vụ, nguồn cung cơ bản đáp ứng nhu cầu tiêu dùng và chế biến.

## **XI. Quản lý tài nguyên và môi trường**

### **1. Quản lý đất đai**

Bộ tập trung chỉ đạo tổ chức thi hành hiệu quả Luật Đất đai năm 2024; đẩy nhanh tiến độ xây dựng Đề án sơ kết việc thực hiện Nghị quyết số 18-NQ/TW và hoàn thiện hồ sơ Điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050, tạo cơ sở hoàn thiện thể chế, chính sách và nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất đai.

Thực hiện Chỉ thị số 05/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch phối hợp giữa Bộ NNMT với Bộ Công an, Bộ đã chỉ đạo các địa phương đẩy mạnh chuẩn hóa, làm giàu, làm sạch dữ liệu đất đai theo tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống”, bảo đảm cập nhật, vận hành và khai thác hiệu quả. Tính đến ngày 29/6/2026, cả nước đã xây dựng cơ sở dữ liệu đối với khoảng **67,51** triệu thửa đất (đạt gần 66% tổng số thửa đất); trong đó có khoảng **32,66** triệu thửa đất đã đáp ứng tiêu chí “đúng - đủ - sạch - sống” (đạt 48%), tổng số thửa đất nhóm 2 là: 34,85 triệu thửa; đã đồng bộ sang Trung tâm dữ liệu quốc gia 1,06 triệu dữ liệu thửa đất; đã tổ chức đối khớp, xác thực khoảng 87,4 triệu lượt dữ liệu với CSDL quốc gia về dân cư trong tổng số 67,51 triệu thửa đất, tài sản gắn liền với đất; trong đó, đã xác thực, đối khớp thông tin thống nhất của người sử dụng đất, tài sản với CSDL quốc gia về dân cư là: 38,24 triệu thửa đất; Tổng số thửa đất đã đồng bộ lên CSDL quốc gia về đất đai là: 67.508.985 thửa đất.

Bộ tiếp tục mở rộng kết nối, chia sẻ dữ liệu đất đai với cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, thuế, đăng ký giao dịch bảo đảm và hệ thống giải quyết thủ tục hành chính, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy chuyển đổi số và cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Cùng với đó, Bộ đã chủ động tháo gỡ vướng mắc về giá đất, bồi thường, tái định cư và tham mưu cơ chế đối với một số dự án trọng điểm; đồng thời tăng cường hiệu lực công tác thanh tra, giám sát, kịp thời tiếp nhận hơn 2.200 cuộc gọi qua đường dây nóng và xử lý trên 800 đơn thư khiếu nại, tố cáo, góp phần hạn chế phát sinh điểm nóng, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của người dân, doanh nghiệp, giữ vững ổn định xã hội và tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội.

## **2. Quản lý tài nguyên nước**

Nhằm nâng cao hiệu lực quản lý nhà nước về tài nguyên nước, trong 6 tháng đầu năm, Bộ đã quyết liệt triển khai đồng bộ nhiều giải pháp trọng tâm; nổi bật là việc trình Thủ tướng Chính phủ Đề án thí điểm phục hồi các hệ thống sông Bắc Hưng Hải, Nhuệ - Đáy, Ngũ Huyện Khê và tạo bước đột phá trong cải cách thủ tục hành chính (TTHC) khi đề xuất bãi bỏ 08 thủ tục, cắt giảm 50% thời gian giải quyết đối với 37 TTHC, giảm 50,6% chi phí tuân thủ, đồng thời cắt giảm 30% ngành nghề kinh doanh có điều kiện. Trước nguy cơ hiện tượng El Nino làm suy giảm dòng chảy từ 10% đến 79%, Bộ đã chủ động theo dõi 11 lưu vực sông lớn, điều tiết linh hoạt 134 hồ chứa thủy lợi, thủy điện, bảo đảm an ninh nguồn nước cho dân sinh, sản xuất và phát điện. Công tác quan trắc và quy hoạch tiếp tục được đẩy mạnh thông qua việc vận hành Hệ thống giám sát tài nguyên nước quốc gia, theo dõi liên tục 111 công trình khai thác nước dưới đất quy mô lớn, 910 trạm quan trắc và công bố 08 kịch bản nguồn nước liên tỉnh, làm cơ sở cho 22 địa phương ban hành kế hoạch sử dụng nước. Song song với đó, công tác thanh tra, hướng dẫn địa phương thi hành Luật Tài nguyên nước được triển khai sâu sát; Bộ đã ban hành 254 văn bản tháo gỡ vướng mắc, tổ chức 04 đoàn kiểm tra đối với 17 tổ chức khai thác tại 06 tỉnh, thành phố, góp phần chấn chỉnh kỷ cương và nâng cao hiệu quả bảo vệ nguồn nước trên phạm vi cả nước<sup>19</sup>.

## **3. Địa chất và khoáng sản**

Về công tác quản lý nhà nước về địa chất và khoáng sản, Bộ đã tập trung hoàn thiện các quy hoạch chiến lược, bao gồm Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến khoáng sản và Quy hoạch điều tra cơ bản địa chất thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Trong công tác điều tra, Bộ đã hoàn thành giai đoạn 1 và triển khai giai đoạn 2 Đề án điều tra tổng thể tiềm năng đất hiếm (khoanh

---

<sup>19</sup> Từ đầu mùa cạn đến hết tháng 5/2026, các hồ chứa đã điều tiết khoảng 15,9 tỷ m<sup>3</sup> nước về hạ du; tổng dung tích tích trữ của hệ thống hồ đạt khoảng 31,1 tỷ m<sup>3</sup>, cơ bản đáp ứng nhu cầu sử dụng nước trong các tháng còn lại của mùa cạn



định 1.339 km<sup>2</sup> với trữ lượng dự kiến 15 triệu tấn), đồng thời tham mưu Chính phủ ban hành Nghị quyết số 28/2026/NQ-CP về cơ chế khai thác than vượt công suất nhằm bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia. Song song với việc đẩy mạnh cải cách hành chính (bãi bỏ 14 thủ tục, sửa đổi 15 thủ tục nhằm tạo thuận lợi cho doanh nghiệp), Bộ đã thực hiện quyết liệt các giải pháp phân cấp, phân quyền, hỗ trợ cung ứng vật liệu cho công trình trọng điểm và hướng dẫn tháo gỡ vướng mắc cho địa phương. Công tác quản lý hoạt động khoáng sản cũng được siết chặt thông qua việc thẩm định, cấp phép chặt chẽ, xác định tiền cấp quyền khai thác và đẩy mạnh đấu giá theo quy định; đồng thời, Bộ tăng cường thanh tra, kiểm tra, kiên quyết xử lý khai thác trái phép nhằm bảo vệ tài nguyên, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý, khai thác bền vững và minh bạch trên phạm vi cả nước.

#### **4. Quản lý tài nguyên biển và hải đảo**

Trong 6 tháng đầu năm 2026, Bộ đã quyết liệt triển khai Quy hoạch không gian biển quốc gia và Quy hoạch tổng thể khai thác tài nguyên vùng bờ; trong đó đã xử lý 26/49 hồ sơ giao khu vực biển và tích cực thực hiện các nhiệm vụ thuộc Chương trình trọng điểm điều tra cơ bản tài nguyên, môi trường biển đến năm 2030. Công tác thể chế hóa được chú trọng với việc hoàn thành báo cáo sơ kết 05 năm thực hiện Nghị quyết số 26/NQ-CP, tổng kết 08 năm thực hiện Nghị quyết số 36-NQ/TW về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển, đồng thời trình Thủ tướng Chính phủ Đề án phát triển khu vực Hải Phòng - Quảng Ninh thành trung tâm kinh tế biển hiện đại mang tầm quốc tế. Song song với việc siết chặt quản lý hoạt động nhận chìm<sup>20</sup> và tuần tra kiểm soát trên biển<sup>21</sup>, Bộ đã đẩy mạnh hợp tác quốc tế, hoàn thiện hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về tài nguyên biển phục vụ chuyển đổi số ngành, đồng thời phối hợp tổ chức thành công Tuần lễ Biển và Hải đảo Việt Nam năm 2026 nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng, thúc đẩy phát triển kinh tế bền vững, bảo vệ đa dạng sinh học và thích ứng hiệu quả với biến đổi khí hậu.

#### **5. Lĩnh vực môi trường**

Công tác bảo vệ môi trường được triển khai đồng bộ, phục vụ hiệu quả mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội. Về thể chế và quản lý, Bộ đã tập trung hướng dẫn thực hiện Quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia thời kỳ 2021-2030, hoàn thành Báo cáo công tác bảo vệ môi trường năm 2025 trình Quốc hội và tham mưu Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 247/2025/QH15. Công tác kiểm soát ô nhiễm và quản lý chất thải đạt kết quả tích cực với tỷ lệ thu gom, xử lý rác sinh hoạt đô thị đạt 97,58%, nông thôn đạt 84,22%; rác thải công nghiệp và

---

<sup>20</sup> Trong 6 tháng đầu năm 2026, Bộ đã tiếp nhận 06 đề nghị cấp phép nhận chìm ở biển trong đó có 01 hồ sơ liên thông

<sup>21</sup> Bao gồm các hoạt động quan trắc, điều tra, khảo sát địa chất công trình, khai thác sử dụng tài nguyên biển và các hoạt động phát triển kinh tế biển khác

nguy hại đạt khoảng 98%; đồng thời kiểm soát chặt chẽ 147 cơ sở và 17 tổ chức giám định phế liệu nhập khẩu, đẩy mạnh xử lý ô nhiễm không khí tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Hệ thống quan trắc quốc gia vận hành ổn định với phần mềm Envisoft 3.0 được triển khai tại 34 địa phương, kết nối hơn 2.891 trạm quan trắc (duy trì kết nối ổn định hơn 2.300 trạm) và tích hợp 564 camera giám sát, kết hợp mô hình SILAM và CMAQ nhằm cảnh báo môi trường kịp thời. Công tác thanh tra, giám sát được tăng cường với kế hoạch kiểm tra 279 cơ sở có nguy cơ gây ô nhiễm, giải quyết dứt điểm 05 vụ việc khiếu nại, không để phát sinh điểm nóng.

## **6. Lĩnh vực khí tượng thủy văn**

Công tác khí tượng thủy văn được tập trung chỉ đạo quyết liệt thông qua việc hoàn thiện thể chế, đẩy mạnh chuyển đổi số và hiện đại hóa toàn diện mạng lưới quan trắc quốc gia. Bộ đã duy trì vận hành hệ thống thông suốt, khẩn trương lập hồ sơ và triển khai các dự án trọng điểm về nâng cấp trạm quan trắc, hệ thống ra-đa thời tiết và thám không vô tuyến nhằm tạo nền tảng vững chắc cho công tác điều hành tác nghiệp.

6 tháng đầu năm đã phát hành bản tin và dự báo kịp thời: 01 áp thấp nhiệt đới, 12 đợt không khí lạnh; 09 đợt nắng nóng, 01 đợt mưa lớn trên diện rộng; theo dõi (trên phạm vi cả nước) diễn biến: 02 đợt lũ trên các sông Bắc Bộ, đỉnh lũ sông Trung (Lạng Sơn) lớn hơn báo động (BD) 3, thượng lưu sông Thương (Bắc Ninh) lên mức BD2-3, sông Nậm Kim (Lào Cai) dưới BD2; 39 trận lũ quét, sạt lở đất, đá trên phạm vi 17 tỉnh thuộc khu vực trung du, miền núi các tỉnh Bắc Bộ, Trung Bộ và cao nguyên Trung Bộ (tập trung chủ yếu tại Lào Cai, Điện Biên, Cao Bằng, Tuyên Quang, Phú Thọ, Quảng Ninh và Lâm Đồng); 28 trận lũ quét, sạt lở đất (Lào Cai, Điện Biên, Cao Bằng, Tuyên Quang, Phú Thọ, Quảng Ninh, Lâm Đồng); 08 trận sạt lở bờ sông (An Giang, Đồng Tháp, Cà Mau).

## **7. Lĩnh vực biến đổi khí hậu**

Trong 6 tháng đầu năm, công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn được tập trung chỉ đạo quyết liệt thông qua việc hoàn thiện đồng bộ hệ thống thể chế, chính sách. Bộ đã chủ động trình cấp có thẩm quyền và trực tiếp ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật, văn bản hướng dẫn quan trọng nhằm tạo hành lang pháp lý vững chắc cho việc phân bổ hạn ngạch, vận hành thị trường các-bon trong nước và trao đổi tín chỉ quốc tế. Đồng thời, hệ thống đăng ký quốc gia về hạn ngạch phát thải đã được xây dựng, đưa vào vận hành gắn liền với việc đơn giản hóa tối đa các thủ tục hành chính. Song song với việc đôn đốc các bộ, ngành, địa phương thực thi nghiêm quy định pháp luật và thiết lập hệ thống giám sát thích ứng cấp quốc gia, Bộ tiếp tục đẩy mạnh hoàn thiện các dự án luật sửa đổi và cập nhật mục tiêu đóng góp do quốc gia tự quyết định. Những nỗ lực toàn diện này không chỉ giúp hiện thực hóa các cam kết quốc tế quan trọng của Việt Nam mà còn chủ động khơi thông,

huy động hiệu quả nguồn vốn ODA và các nguồn lực toàn cầu phục vụ mục tiêu tăng trưởng xanh bền vững.

## **8. Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học**

Rà soát việc thực hiện chỉ tiêu "Tăng diện tích các khu bảo tồn biển, ven biển đến năm 2030 đạt tối thiểu 6% diện tích tự nhiên vùng biển quốc gia"; công tác chuẩn bị Hội nghị nhóm công tác ASEAN về đa dạng sinh học lần thứ 36 (AWGNCB 36). Song song đó, công tác bảo tồn đa dạng sinh học được đẩy mạnh thông qua việc ban hành Chương trình bảo tồn động vật hoang dã đến năm 2030, cấp phép khảo nghiệm ngô biến đổi gen MON 87427, hoàn thiện hồ sơ khu Ramsar Bắc Đồng Nai và tích cực chuẩn bị tổ chức Hội nghị ASEAN lần thứ 36, qua đó khẳng định trách nhiệm và cam kết quốc tế của Việt Nam về bảo vệ hệ sinh thái bền vững.

## **9. Hoạt động đo đạc, bản đồ**

Công tác quản lý hoạt động đo đạc và bản đồ được tăng cường; việc kiểm tra, giám sát thi hành pháp luật được triển khai thường xuyên, kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm, bảo đảm hoạt động đo đạc, bản đồ tuân thủ quy định. Hoạt động xây dựng, cập nhật và khai thác cơ sở dữ liệu nền địa lý quốc gia được đẩy mạnh; hoàn thành kết nối, đồng bộ dữ liệu với Trung tâm Dữ liệu quốc gia, góp phần nâng cao hiệu quả chia sẻ, khai thác dữ liệu phục vụ chỉ đạo, điều hành và phát triển kinh tế - xã hội. Các đề án, dự án trọng điểm trong lĩnh vực đo đạc, bản đồ và thông tin địa lý tiếp tục được triển khai đúng tiến độ, bảo đảm chất lượng, trong đó có các dự án về bản đồ địa hình, bản đồ đáy biển, cơ sở dữ liệu địa danh và bản đồ biên giới quốc gia. Công tác biên giới và địa giới hành chính được triển khai chủ động, phối hợp chặt chẽ với các bộ, ngành và địa phương; tham gia hiệu quả các hoạt động khảo sát, kiểm tra, đàm phán, góp phần bảo vệ chủ quyền lãnh thổ và phục vụ công tác quản lý nhà nước. Khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số trong lĩnh vực tiếp tục được đẩy mạnh; từng bước ứng dụng các công nghệ tiên tiến như bản đồ 3D, GNSS, dữ liệu không gian địa lý, góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công tác.

## **10. Hoạt động Viễn thám**

Công tác quản lý, vận hành hạ tầng viễn thám quốc gia được duy trì ổn định. Bộ đã chỉ đạo vận hành hiệu quả các trạm thu nhận dữ liệu viễn thám, bảo đảm thu nhận, xử lý, lưu trữ và cung cấp dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước, đồng thời tiếp tục hoàn thiện cơ sở dữ liệu viễn thám quốc gia, đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến và khai thác dữ liệu trên môi trường số. Duy trì vận hành ổn định các trạm thu nhận dữ liệu viễn thám SPOT6, VNREDSat-1 và KOMPSAT-3A; thực hiện thu nhận, xử lý, lưu trữ dữ liệu phục vụ công tác quản lý nhà nước; duy trì công bố siêu dữ liệu và cung cấp dịch vụ công trực tuyến về dữ liệu viễn thám.